

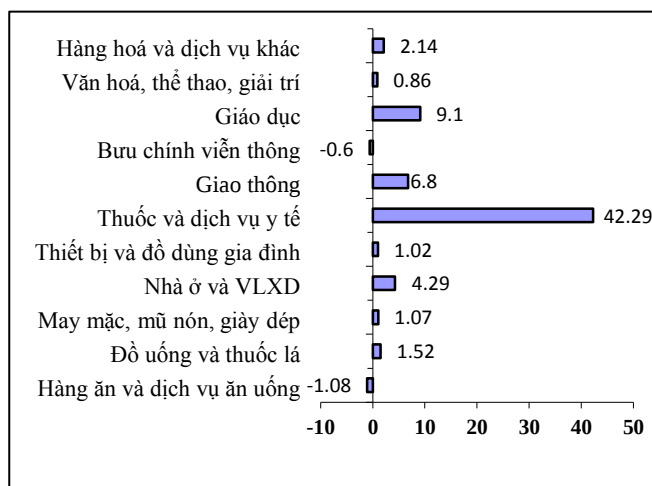
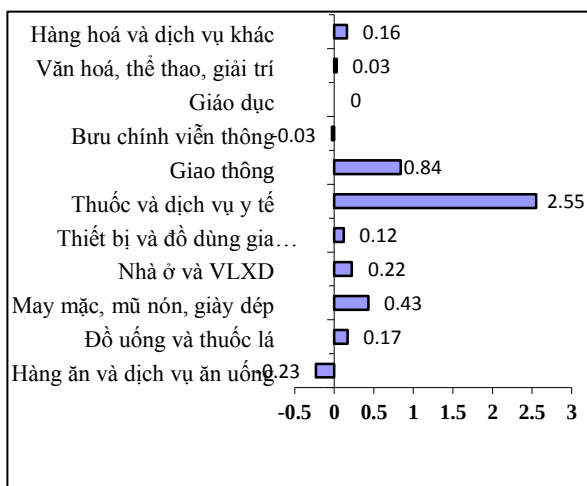
BÁO CÁO
Tình hình giá cả thị trường tháng 12 và cả năm 2017,
dự báo năm 2018

I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

1. Diễn biến thị trường

* **Tháng 12/2017:** Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2017 tăng 0,21% so với tháng trước. Xét về cơ cấu nhóm hàng so với tháng trước, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính, có 8 nhóm hàng tăng giá: Thuốc và dịch vụ y tế tăng 2,55%; Giao thông tăng 0,84%; May mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,43%; Nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,22%; Đồ uống và thuốc lá tăng 0,17%; Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,16%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,12%; Văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,03%. Có 2 nhóm giảm: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,23%; Bưu chính viễn thông giảm 0,03%. Riêng Nhóm giáo dục không đổi.

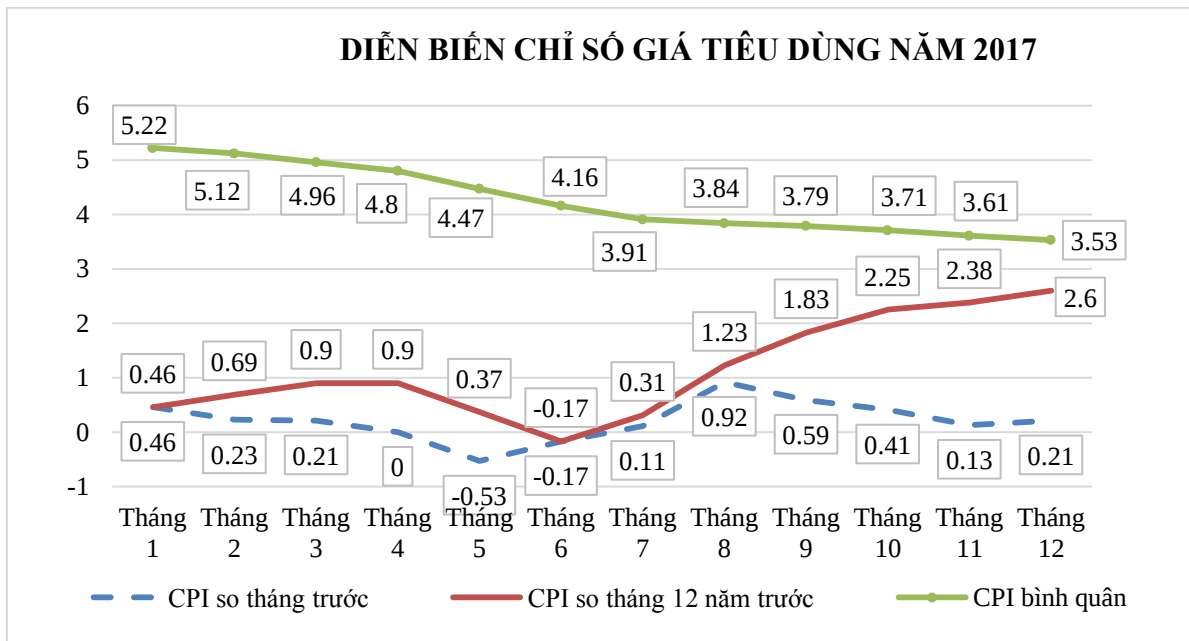
Chỉ số giá vàng tháng 12/2017 giảm 0,12%, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 0,02% so với tháng 11/2017.



CPI T12/2017 so tháng trước theo cơ cấu nhóm hàng. CPI bình quân 12 tháng năm 2017 theo cơ cấu nhóm hàng.

Lạm phát cơ bản (CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống; năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và dịch vụ giáo dục) tháng 12/2017 tăng 0,11% so với tháng trước, tăng 1,29% so với cùng kỳ. Bình quân năm 2017 so năm 2016 tăng 1,41% thấp hơn mức dự kiến 1,6%-1,8%, cho thấy chính sách tiền tệ vẫn đang được điều hành ổn định.

* **Năm 2017:** Mặt bằng giá cả thị trường biến động theo hướng tăng thấp trong những tháng đầu năm, giảm trong quý II và tăng dần trở lại trong những tháng cuối năm. CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với năm 2016 và tăng 2,6% so với tháng 12/2016. Như vậy, mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ mức CPI bình quân năm 2017 dưới 4% đã đạt được trong bối cảnh điều chỉnh được gần hết giá các mặt hàng do nhà nước quản lý đặt ra trong năm 2017.



2. Một số yếu tố chính tác động đến mặt bằng giá thị trường tháng 12 và cả năm 2017

a) Tháng 12/2017:

Một số yếu tố làm tăng áp lực lên mặt bằng giá như: Giá xăng, dầu diesel tăng từ đợt tăng giá ngày 20/11/2017 và ngày 5/12/2017 đã tác động làm chỉ số giá nhóm nhiên liệu bình quân tháng 12/2017 tăng 1,98% so với tháng trước đóng góp làm tăng CPI chung tăng 0,09%. Từ ngày 01/12/2017 giá gas trong nước điều chỉnh tăng 1.000 đồng/bình 12 kg, tăng 0,22% so với tháng 11/2017, do giá gas thế giới tăng 2,5 USD/tấn lên mức 580 USD/tấn. Giá điện sinh hoạt tăng 0,62% do giá điện bình quân được điều chỉnh tăng 6,08% từ ngày 01/12/2017 theo Quyết định số 4495/QĐBCT ngày 30/11/2017 của Bộ Công Thương; nhu cầu sử dụng điện tăng khi thời tiết chuyển lạnh. Giá dịch vụ y tế tăng cho đối tượng không có thẻ bảo hiểm y tế theo các quyết định của Ủy ban nhân dân 15 tỉnh, thành phố¹ trực thuộc Trung ương được quy định trong Thông tư số 02/2017/TT-BYT ngày 15/3/2017 của Bộ Y tế làm cho giá dịch vụ y tế tăng 3,3%. Vào tháng cuối năm nhu cầu sửa chữa nhà cửa tăng làm cho giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,31%; giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,82%. Giá vé tàu hỏa tăng 2,76% do Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam tăng giá vé đón dịp Tết Dương lịch 2018.

¹ Hà Giang, Thanh Hóa, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận, Kon Tum, Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa-Vũng Tàu, Tiền Giang, Trà Vinh, Hậu Giang, Bạc Liêu, Cà Mau.

Ngoài những yếu tố gây sức ép tăng giá như trên, thì có một số yếu tố làm giảm áp lực lên mặt bằng giá trong tháng này như: Giá thịt lợn tháng 12/2017 tiếp tục giảm 0,88%, mức độ giảm đã thấp hơn tháng trước do nhu cầu chế biến cuối năm tăng nhưng do nguồn cung dồi dào nên giá thịt lợn vẫn ở mức thấp. Giá rau tươi giảm 2,9% so với tháng trước do nhiều loại rau xanh đến mùa sinh trưởng nhanh, đặc biệt các diện tích hoa màu bị thiệt hại sau mưa lũ tháng trước đã được canh tác và thu hoạch nên sản lượng rau xanh trên thị trường dồi dào, nhiều chủng loại. Nhiều mặt hàng như điện tử, ô tô, xe máy giảm giá so với tháng trước do các nhà phân phối giảm giá nhân dịp Giáng sinh và Tết Dương lịch 2018.

b) Năm 2017:

** Những nguyên nhân chủ yếu làm tăng CPI năm 2017:*

- Giá một số hàng hóa, dịch vụ (dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục, điện...) được điều chỉnh tăng theo lộ trình thị trường cụ thể:

+ Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tăng bước 2 tại 27/63 địa phương còn lại chưa thực hiện điều chỉnh trong năm 2016 theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người không có bảo hiểm y tế cũng được điều chỉnh theo hướng cùng mặt bằng với giá dịch vụ KBCB BHYT theo Thông tư số 02/2017/TT-BYT ngày 15/3/2017. Theo đó, chỉ số giá nhóm dịch vụ y tế tăng 34,18% so với cuối năm 2016 và tăng 57,61% so với bình quân năm 2016.

+ Giá dịch vụ giáo dục tiếp tục tăng theo lộ trình của Nghị định số 86/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, tập trung vào tháng 9/2017 là tháng diễn ra khai giảng năm học mới. Chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục năm 2017 tăng khoảng 8,19% so với tháng 12/2016 và tăng 10,42% so với bình quân năm 2016.

+ Giá điện: Từ 01/12/2017, giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh tăng 6,08%. Việc điều chỉnh này không tác động nhiều đến chỉ số giá tiêu dùng năm 2017, dự kiến tác động làm tăng CPI tháng 12/2017 khoảng 0,07% và chủ yếu sẽ tác động nhiều vào mặt bằng giá của năm 2018.

+ Giá dịch vụ hàng không tăng từ tháng 10/2017 tác động làm tăng chỉ số giá nhóm dịch vụ hành khách đường hàng không khoảng 1,3%; đóng góp vào chỉ số CPI chung khoảng 0,001%.

- Biến động tăng của giá xăng dầu và một số nguyên nhiên vật liệu trên thị trường thế giới tác động vào giá trong nước qua kênh nhập khẩu: So với năm 2016, giá xăng dầu bình quân năm 2017 tăng khoảng 15,48%, giá LPG tăng khoảng 15,91%, giá thép tăng 5-10%...

- Giá vật liệu xây dựng trong đó có giá cát tăng mạnh vào tháng 5,6,7/2017 do việc siết chặt quản lý khai thác cát của các cơ quan chức năng.

- Mức lương tối thiểu vùng áp dụng cho người lao động ở các doanh nghiệp năm 2016 tăng khoảng 7,3% áp dụng từ 01/01/2017 và mức lương cơ sở

áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức được NSNN hỗ trợ kinh phí hoạt động tăng 90.000 đồng/tháng áp dụng từ ngày 01/7/2017.

- Nguồn cung một số mặt hàng nông sản bị ảnh hưởng cục bộ tại một số địa phương bị bão lụt làm tăng giá các mặt hàng này tại một số thời điểm.

** Các nguyên nhân chủ yếu kiềm chế tốc độ tăng CPI năm 2017:*

- Giá thực phẩm giảm trong khoảng nửa đầu năm; trong đó, giá thịt lợn giảm mạnh do nguồn cung tăng cao trong khi nhu cầu trong nước nhìn chung không biến động và xuất khẩu thịt lợn qua đường tiểu ngạch bị hạn chế. Chỉ số giá nhóm bưu chính viễn thông giảm (bình quân năm 2017 giảm 0,6% so với năm 2016).

- Công tác chỉ đạo điều hành giá, bình ổn thị trường năm 2017 đã có sự phối hợp điều hành chặt chẽ và chủ động giữa các Bộ, ngành, địa phương dưới sự chỉ đạo quyết liệt và sâu sát của Ban Chỉ đạo điều hành giá, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ:

+ Trong các dịp lễ, Tết, công tác chuẩn bị nguồn hàng được các Bộ ngành, địa phương và doanh nghiệp chú trọng thực hiện, các Chương trình bình ổn và kết nối cung cầu² được triển khai phù hợp với thực tế địa phương nên giá cả thị trường cơ bản ổn định, nguồn cung hàng hóa đa dạng, dồi dào đáp ứng tốt nhu cầu của người dân.

+ Trong thời điểm diễn ra thiên tai, bão lụt, các Bộ, ngành và địa phương đã tăng cường phối hợp nắm bắt, kiểm tra, kiểm soát về thị trường giá cả để hạn chế tình trạng đầu cơ tăng giá; kịp thời xuất cấp hàng dự trữ quốc gia giúp ổn định đời sống của người dân và khôi phục sản xuất tại các địa bàn chịu ảnh hưởng của thiên tai.

+ Chính sách tiền tệ được điều hành linh hoạt, chủ động, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác giúp ổn định giá trị đồng nội tệ, giảm mặt bằng lãi suất góp phần tiết giảm chi phí cho doanh nghiệp.

+ Công tác dự báo, xây dựng các kịch bản điều hành giá và đề xuất các biện pháp điều hành giá phù hợp với từng thời điểm đã được chú trọng góp phần kiểm soát lạm phát theo chỉ tiêu Quốc hội đề ra.

+ Giá cả các mặt hàng Nhà nước quản lý được điều hành sát với kịch bản dự báo, hạn chế tăng giá vào các tháng đầu năm để giảm áp lực lên CPI bình quân, đã tận dụng thời điểm CPI tăng thấp để đưa dần các chi phí vào trong giá dịch vụ y tế tránh gây đột biến đến mặt bằng giá thị trường; điều hành giá điện thận trọng trên cơ sở đánh giá kỹ các phương án tác động đến CPI và tăng

² Theo tổng hợp của Bộ Công Thương, năm 2016 và Tết Nguyên đán 2017 đã có 59/63 tỉnh, thành phố có báo cáo về kế hoạch chuẩn bị hàng hóa cuối năm và Tết Nguyên đán Đinh Dậu năm 2017, trong đó có 30 địa phương triển khai Chương trình Bình ổn thị trường trên địa bàn: 14 địa phương chủ trương thực hiện chương trình theo hướng kết nối doanh nghiệp với tổ chức tín dụng trên địa bàn hoặc hỗ trợ lãi suất vốn vay; 14 địa phương thực hiện chương trình có nhận hỗ trợ từ ngân sách, 02 địa phương triển khai không nhận hỗ trợ từ ngân sách hoặc kết nối với các tổ chức tín dụng.

trường kinh tế, tăng chi sử dụng quỹ bình ổn xăng dầu trong thời điểm giá xăng dầu thế giới tăng cao...

3. Công tác quản lý, điều hành bình ổn thị trường giá cả

Trong năm 2017, Bộ Tài chính tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong Bộ và các Bộ, ngành liên quan trong công tác quản lý, điều hành giá các mặt hàng quan trọng, thiết yếu nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành các quy định pháp luật về giá; giám sát chặt chẽ kê khai giá của doanh nghiệp,... góp phần ổn định mặt bằng giá cả thị trường.

3.1. Công tác giúp việc Ban chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ:

Trong năm 2017, với vai trò Thường trực Nhóm giúp việc Ban chỉ đạo điều hành giá, Cục Quản lý giá đã chủ động tổ chức các cuộc họp nhóm giúp việc, xây dựng các báo cáo định kỳ họp Ban chỉ đạo điều hành giá hàng quý và cả năm 2017.

Tại các cuộc họp, Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ - Trưởng Ban đã chỉ đạo công tác quản lý điều hành giá. Trên cơ sở đó, Cục Quản lý giá đã dự thảo Thông báo ý kiến kết luận của Trưởng ban tại các cuộc họp quý I, quý II, quý III và quý IV năm 2017³.

3.2. Công tác điều hành giá một số mặt hàng thiết yếu:

*** Xăng, dầu:** Trong năm 2017, Bộ Tài chính tiếp tục phối hợp với Bộ Công Thương (chủ trì) thực hiện việc điều hành giá xăng dầu trong nước, sử dụng linh hoạt quỹ bình ổn giá xăng dầu. Đồng thời, quán triệt nguyên tắc thực hiện công khai, minh bạch trong điều hành giá xăng dầu, Bộ Tài chính cũng đã thực hiện thường xuyên liên tục việc công khai chi tiết tình trich lập, sử dụng, lãi phát sinh và số dư Quỹ BOG của từng thương nhân kinh doanh xăng dầu đầu mỗi hàng Quý trên trang thông tin điện tử của Liên Bộ.

Tính đến ngày 20/12/2017, căn cứ vào diễn biến thị trường xăng dầu thế giới, giá xăng dầu trong nước đã được Liên Bộ Công Thương - Tài chính điều hành 24 lần. Cụ thể các lần điều hành như sau:

	Số lần tăng	Mức tăng	Số lần giảm	Mức giảm	Giữ ổn định	Mức tăng/giảm
Xăng RON 92	10	3.916	9	(2.920)	5	996
E5 RON92	10	3.658	9	(2.730)	5	928
Điêzen 0,05S	15	4.101	7	(2.370)	2	1.731
Dầu hoả	14	4.318	7	(2.830)	3	1.488
Madut	15	3.479	7	(1.720)	2	1.759

³ Thông báo số 321/TB-BCĐĐHG ngày 5/5/2017, Thông báo số 496/TB-BCĐĐHG ngày 19/7/2017, Thông báo số 884/TB-BCĐĐHG ngày 8/11/2017.

Đồng thời, Liên Bộ Công Thương - Tài chính đã quyết định chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu tại các đợt điều hành với mức chi sử dụng từ 27-604 đồng/lít,kg, tùy mặt hàng nhằm hạn chế mức độ tăng giá các mặt hàng xăng dầu, đặc biệt trong dịp lễ, Tết. Số dư Quỹ bình ổn giá xăng dầu đến hết ngày 30/9/2017 là 5.222,545 tỷ đồng.

* **Điện:** Trong quý II/2017, Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30/06/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân và Quyết định số 34/2017/QĐ-TTg ngày 25/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân giai đoạn 2016-2020. Từ ngày 01/12/2017, giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh tăng ở mức 1.720,65 đồng/kwh, tỷ lệ tăng 6,08%. Trong tháng 12/2017, Bộ Tài chính đã có công văn số 16578/BTC-QLG ngày 07/12/2017 tham gia ý kiến Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện; và công văn số 16733/BTC-QLG ngày 11/12/2017 về nguyên tắc xây dựng khung giá bán buôn điện cho các Tổng công ty điện lực năm 2018.

* **Mặt hàng khí:** Bình quân năm 2017, giá LPG nhập khẩu hàng tháng đạt 492,7 USD/tấn, tăng 153,1 USD/tấn (tăng 45%) với giá bình quân năm 2016. Qua 10 lần điều chỉnh, giá bán lẻ gas hiện dao động ở quanh mức 327.000 - 352.000 đồng/kg bình 12kg, cao hơn khoảng 29.000 đồng/bình 12 kg so với thời điểm cuối năm 2016 (tùy thương hiệu và đơn vị cung cấp).

Để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng khí dầu mỏ hóa lỏng, hiện nay Bộ Công Thương đang hoàn thiện dự thảo Nghị định về kinh doanh khí thay thế Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ.

* **Than:** Theo quy định, mặt hàng than không thuộc danh mục hàng hóa dịch vụ do Nhà nước định giá, các doanh nghiệp tự thỏa thuận giá mua bán. Tuy nhiên, trong năm 2017, do không thống nhất được giá than cho sản xuất điện và phân bón nên căn cứ quy định pháp luật hiện hành, Bộ Tài chính thực hiện hiệp thương giá than. Sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định giá than cho sản xuất điện và phân bón; áp dụng kể từ ngày 01/3/2017 và có hiệu lực thi hành tối đa là 06 tháng.

Sau khi hết thời gian hiệp thương, Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Đông Bắc và Tập đoàn điện lực Việt Nam đã đạt được thỏa thuận về mức giá. Từ ngày 01/9/2017 kết thúc việc hiệp thương giá than cho sản xuất điện. Riêng đối với giá than cho sản xuất phân bón, do các bên không đạt được thỏa thuận mức giá than, vẫn tiếp tục áp dụng mức giá theo Quyết định của Bộ Tài chính cho đến khi Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đạt được thỏa thuận về mức giá.

* **Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh:** Thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, Bộ Y tế đã chủ trì ban hành Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 quy định giá dịch vụ KBCB

BHYT giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và Thông tư số 02/2017/TT-BYT ngày 15/3/2017 của Bộ Y tế quy định khung giá dịch vụ KBCB không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ BHYT. Theo đó, mức giá dịch vụ KBCB đã được kết cấu chi phí trực tiếp, phụ cấp đặc thù và tiền lương theo đúng lộ trình quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.

Hiện nay, tất cả các cơ sở KBCB trên toàn quốc đã thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ KBCB BHYT theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC trong đó 27/63 địa phương còn lại chưa thực hiện trong năm 2016 đã thực hiện trong tháng 3 và tháng 4/2017. Đối với việc điều chỉnh giá dịch vụ KBCB cho người không có BHYT trong phạm vi khung giá quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BYT, tính đến ngày 26/12/2017 có 45/63 Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương ban hành Nghị quyết quy định mức giá cụ thể áp dụng tại cơ sở KBCB thuộc địa phương quản lý.

* **Thuốc chữa bệnh cho người:** Năm 2017, Bộ Y tế đã triển khai đấu thầu tập trung thuốc cấp quốc gia, hiện Bộ Y tế đã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho 22 mặt hàng thuốc đấu thầu tập trung cấp quốc gia (05 thuốc biệt dược và 17 thuốc generic) với tổng giá trị là 2.269 tỷ đồng, giảm 477 tỷ đồng so với tổng trị giá tính theo giá kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

* **Dịch vụ giáo dục:** Thực hiện lộ trình tăng học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, các tỉnh, thành phố đã tăng học phí các cấp học, tập trung nhiều vào tháng 9/2017 làm chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục năm 2017 tăng khoảng 8,19% so với tháng 12/2016 và tăng 10,42% so với bình quân năm 2016. Việc điều chỉnh này tác động đến CPI năm 2017 khoảng 0,4% so với tháng 12/2016 và tác động đến CPI bình quân năm 2017 khoảng 0,49%. Theo đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo, mức học phí quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP vẫn còn rất thấp, mức học phí mới tăng không nhiều so với khung học phí cũ, về cơ bản không có tác động lớn đến đối tượng người học.

3.3. Về công tác chuẩn bị hàng hóa phục vụ Tết:

Trong tháng 11 và tháng 12/2017, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Công Thương đã ban hành Chỉ thị bình ổn thị trường Tết⁴, Bộ Giao thông vận tải cũng có Công điện số 76/CT-BGTVT ngày 12/12/2017 về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong dịp Tết.

Bộ Công Thương đã chủ trì tổ chức đoàn công tác liên ngành (Công Thương, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) làm việc tại một số địa phương ở 3 miền Bắc, Trung, Nam về công tác chuẩn bị hàng hóa phục vụ Tết. Kết quả bước đầu cho thấy, nhìn chung nguồn cung hàng hóa chuẩn bị cho dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất 2018 khá dồi dào, đa dạng với mức giá hợp lý, các doanh nghiệp đã có sự chủ động dự trữ hàng hóa và kết nối tiêu thụ hàng nông sản giữa các vùng miền trong cả nước, thực hiện các chương trình đưa

⁴ Chỉ thị số 04/CT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chỉ thị số 14/CT-BCT ngày 07/11/2017 của Bộ Công thương.

hàng Việt về nông thôn, miền núi, hải đảo... Sức mua của người dân dự báo không có nhiều biến động so với các năm trước.

Về chương trình dự trữ hàng hóa bình ổn thị trường (BOTT) trong dịp Tết: Theo tổng hợp của Bộ Công Thương từ các địa phương, đến nay, đã có 35/63 tỉnh, thành phố báo cáo về kế hoạch chuẩn bị hàng hóa cuối năm và Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018, trong đó có 15 địa phương có kế hoạch/triển khai Chương trình BOTT. Hầu hết các địa phương chủ trương thực hiện chương trình theo hướng kết nối doanh nghiệp với tổ chức tín dụng trên địa bàn hoặc hỗ trợ lãi suất vốn vay.

II. DỰ BÁO NĂM 2018

** Một số yếu tố làm tăng áp lực lên mặt bằng giá:*

- Giá các dịch vụ do Nhà nước quản lý:

+ Việc điều chỉnh giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc quỹ BHYT tại 18 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sẽ tác động vào CPI khoảng 0,17%. Việc điều chỉnh mức lương cơ sở trong tính toán giá dịch vụ y tế cũng sẽ tác động vào CPI khoảng 0,14%. Bên cạnh đó, giá dịch vụ khám bệnh chữa bệnh có thể sẽ tính thêm chi phí quản lý vào giá trong năm 2018 theo lộ trình.

+ Giá nhóm Dịch vụ giáo dục sẽ tiếp tục tăng 8% - 10% trong năm 2018, tác động khoảng 0,3% vào CPI chung của năm 2018.

+ Giá điện tăng 6,08% từ ngày 1/12/2017 dự kiến sẽ tác động trực tiếp làm tăng CPI năm 2018 khoảng 0,1% và sẽ tác động gián tiếp tới giá thành các mặt hàng khác sử dụng điện là chi phí đầu vào. Giá điện trong 6 tháng đầu năm 2018 dự kiến ổn định, trong 6 tháng cuối năm sẽ biến động tùy thuộc vào kết quả kiểm toán giá điện.

- Giá xăng dầu: dự báo giá dầu thô thế giới bình quân năm 2018 sẽ trong khoảng từ 50 đến 55 USD/thùng, giá xăng dầu thành phẩm sẽ ở mức từ 66 – 70 USD/thùng, tăng từ 5% đến 10% so với bình quân năm 2017. Giá xăng dầu trong nước tăng khoảng 5-15% sẽ tác động vào CPI chung khoảng 0,28-0,64%.

- Giá các dịch vụ chuyển từ phí sang giá theo Luật phí, lệ phí: việc tính đúng, tính đủ chi phí đối với một số dịch vụ không được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước sẽ có tác động nhất định lên mặt bằng giá.

- Việc điều chỉnh tiền mức lương tối thiểu vùng và mức lương cơ sở năm 2018.

- Giá lương thực dự kiến tăng trong năm 2018 do nguồn cung gạo thế giới dự báo giảm. Giá thịt lợn dự kiến tăng trở lại sau khi đã giảm sâu trong năm 2017.

** Một số yếu tố làm giảm áp lực lên mặt bằng giá:*

- Nguồn cung các mặt hàng thiết yếu ngày càng tăng cùng với việc ký kết các hiệp định tự do thương mại của Chính phủ. Giá nhóm dịch vụ bưu chính viễn thông tiếp tục ổn định hoặc giảm. Giá thuốc dự kiến giảm do triển khai

công tác đấu thầu tập trung thuốc quốc gia, quản lý thuốc bán trong nhà thuốc bệnh viện bằng thẳng số, tăng cường rà soát giá thuốc kê khai của cơ quan chức năng, riêng các mặt hàng thuốc biệt dược gốc hết hạn bản quyền dự kiến giảm sâu, thấp nhất từ 10-15%.

- Lạm phát cơ bản dự báo được kiểm soát trong khoảng 2%. Bên cạnh đó, tỷ giá và lãi suất vẫn được điều hành ổn định, giúp giảm chi phí cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, do thước đo lạm phát được tính theo gốc so sánh CPI bình quân năm nên việc lựa chọn thời điểm và liều lượng điều chỉnh giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý phù hợp có vai trò quan trọng trong việc kiểm soát lạm phát theo chỉ tiêu đề ra.

III. DIỄN BIẾN GIÁ MỘT SỐ MẶT HÀNG CHỦ YẾU

1. LÚA GAO

- *Diễn biến thị trường và nguyên nhân:*

+ *Thị trường thế giới:*

* *Tháng 12/2017:* So với tháng 11/2017, giá chào bán gạo tháng 12/2017 tăng tại Thái Lan do nguồn cung giảm do thiệt hại từ lũ lụt vừa qua và giá chào bán gạo tháng 12/2017 ổn định tại Việt Nam do vừa kết thúc đợt giao hàng theo các hợp đồng cũ, hiện chưa có nhu cầu nhập khẩu gạo mới. Tại thị trường Thái Lan, giá gạo 15% tằm dao động khoảng 401-405 USD/tấn, tăng 16-18 USD/tấn, giá gạo 25% tằm dao động khoảng 390 USD/tấn, tăng 20 USD/tấn. Tại thị trường Việt Nam, giá gạo 15% tằm dao động khoảng 395-400 USD/tấn, giá gạo 25% tằm dao động khoảng 380 USD/tấn.

* *Năm 2017:* Giá chào bán gạo xuất khẩu tại thị trường Thái Lan và Việt Nam ổn định trong tháng 01/2017 do vào thời gian nghỉ lễ, giao dịch gạo kém sôi động, tăng trong tháng 02/2017 do tồn kho gạo không còn nhiều trong khi có nhiều hợp đồng xuất khẩu đã ký từ trước kỳ nghỉ lễ, giảm trong tháng 3/2017 do nguồn cung dồi dào trong khi nhu cầu thấp, tăng trở lại từ tháng 4 đến tháng 7/2017 do triển vọng xuất khẩu tăng và giảm trong tháng 8, 9/2017 do lượng cầu giảm, tăng và ổn định trong 03 tháng cuối năm. Tính chung so với năm 2016, giá gạo tại Thái Lan và Việt Nam tăng 5-12,5 USD/tấn.

DVT: USD/tấn

Tháng	Gạo 5% tằm		Gạo 25% tằm	
	Thái Lan	Việt Nam	Thái Lan	Việt Nam
Tháng 1/2017	360-374	335-340	357-364	320
Tháng 2/2017	365-385	345-350	362-374	330
Tháng 3/2017	350-355	338-355	335	325
Tháng 4/2017	369	355-365	340-344	330-335
Tháng 5/2017	385-411	355-375	360-374	330-340

Tháng 6/2017	410-461	390-410	395	375-385
Tháng 7/2017	420-465	405	400	395
Tháng 8/2017	390-395	395	380	380
Tháng 9/2017	370-375	385-390	365	365
Tháng 10/2017	370-375	385-390	365	365
Tháng 11/2017	385-387	395-400	370	380
Tháng 12/2017	401-405	395-400	390	380
12 tháng đầu năm 2017	350-461	335-410	335-400	320-395
12 tháng đầu năm 2016	348-438	330-395	330-395	320-370
12 tháng đầu năm 2017 so với 12 tháng đầu năm 2016	12,5	5	5	12,5

+ Thị trường trong nước:

* *Tháng 12/2017:* Tại miền Bắc, giá lúa, gạo tẻ thường ổn định so với tháng 11/2017. Giá lúa tẻ thường dao động phổ biến ở mức 7.500-8.500 đồng/kg, giá một số loại lúa chất lượng cao hơn phổ biến ở mức 9.000-10.500 đồng/kg. Tại miền Nam, sau hơn một tháng liên tiếp tăng, giá bắt đầu ổn định do nguồn cung được bổ sung từ vụ thu hoạch lúa Thu Đông. Giá lúa khô tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long loại thường tháng 12/2017 phổ biến dao động 5.900 -6.000 đồng/kg. Giá gạo thành phẩm 5% tấm không bao bì giao tại mạn tàu hiện khoảng 8.550-8.750 đồng/kg, gạo 25% tấm khoảng 8.050-8.200 đồng/kg.

* *Năm 2017:* Tại miền Bắc, giá thóc, gạo tương đối ổn định trong 9 tháng đầu năm 2017, tăng vào 3 tháng cuối năm 2017 do dịch bệnh, lũ lụt dẫn tới sản lượng lúa của nhiều địa phương miền Bắc giảm mạnh. Tại miền Nam, giá gạo thóc, gạo tăng trong 6 tháng đầu năm do năng suất vụ thu hoạch lúa Đông Xuân giảm và các doanh nghiệp thu gom hàng để kịp giao hơn 293.000 tấn cho thương nhân Phi-lip-pin, ổn định trong 3 tháng tiếp theo và tăng trong tháng 11/2017 và ổn định trong tháng 12/2017 do nhu cầu nhập khẩu tại các nước Châu Phi tăng và sản lượng lúa của miền Bắc giảm. Tính chung so với năm 2016, năm 2017 giá thóc gạo tẻ thường tăng 100-1.000 đồng/kg. Cụ thể như sau:

ĐVT: Đồng/kg

Tháng	Miền Bắc		Nam Bộ	
	Thóc tẻ thường	Gạo tẻ thường	Thóc tẻ thường	Gạo thành phẩm 5% tấm
Tháng 1/2017	6.500-9.500	8.500-14.000	4.700 -5.200	6.600 – 6.700
Tháng 2/2017	6.500-9.500	8.500-14.000	4.700 -5.400	6.700 – 6.800
Tháng 3/2017	6.500-9.500	8.500-14.000	5.350 -5.450	7.750-7.850

Tháng 4/2017	6.700-9.500	8.500-14.000	5.000-5.550	7.350-7.675
Tháng 5/2017	6.700-9.500	8.500-14.000	5.300-5.600	7.400-7.675
Tháng 6/2017	6.700-9.500	8.500-14.000	5.300-5.700	7.600-7.750
Tháng 7/2017	6.500-9.500	8.500-14.000	5.300 -5.800	8.300-8.600
Tháng 8/2017	6.500-9.500	8.500-14.000	5.300 -5.800	8.300-8.650
Tháng 9/2017	6.500-9.500	8.500-14.000	5.300-5.700	8.050-8.550
Tháng 10/2017	6.500-9.500	8.500-14.000	5.300-5.700	8.050-8.550
Tháng 11/2017	6.500-10.500	9.500-16.500	5.900-6.000	8.550-8.750
Tháng 12/2017	6.500-10.500	9.500-16.500	5.900-6.000	8.550-8.750
Năm 2017	6.500-10.500	8.500-16.500	4.700-6.000	6.600-8.750
Năm 2016	6.000-9.500	8.000-14.000	4.600-5.900	6.600-8.200
Năm 2017 so với năm 2016	750	1.000	100	275

- **Dự báo:** Trong thời gian tới, giá lúa, gạo trong nước và thế giới ổn định.

2. THỰC PHẨM TƯƠI SỐNG

- *Diễn biến và nguyên nhân:*

* *Tháng 12/2017:* Trong tháng 12/2017, giá thực phẩm tươi sống tương đối ổn định so với tháng 11/2017 do nhu cầu thị trường không có nhiều biến động. Cụ thể:

Thịt lợn hơi: Tại miền Bắc, giá phổ biến khoảng 29.000-33.000 đồng/kg; tại miền Nam, giá phổ biến khoảng 27.000-33.000 đồng/kg.

Thịt lợn mỡ: Tại miền Bắc, giá phổ biến khoảng 75.000-80.000 đồng/kg; tại miền Nam, giá phổ biến khoảng 70.000-80.000 đồng/kg.

Thịt bò thăn, giá phổ biến khoảng 260.000-275.000 đồng/kg.

Thịt gà ta làm sẵn có kiểm dịch, giá phổ biến ở mức 90.000-105.000 đồng/kg; thịt gà công nghiệp làm sẵn phổ biến ở mức 50.000-60.000 đồng/kg.

Giá hầu hết các loại rau, củ, quả ổn định. Bắp cải phổ biến 7.000-13.000 đồng/kg; khoai tây phổ biến 8.000-15.000 đồng/kg, cà chua phổ biến 9.000-11.500 đồng/kg.

Giá một số mặt hàng thủy hải sản tương đối ổn định: Cá chép phổ biến 70.000-75.000 đồng/kg; tôm sú phổ biến 200.000-210.000 đồng/kg; cá quả phổ biến 120.000-130.000 đồng/kg.

- Tình hình dịch bệnh: tính đến ngày 31/12/2017, cả nước không còn tỉnh nào có ổ dịch tai xanh trên lợn, dịch lở mồm long móng và dịch cúm gia cầm chưa qua 21 ngày.

* *Năm 2017*: Trong quý I/2017, mặc dù có tháng Tết, nhu cầu tăng cao hơn so với ngày thường nhưng do nguồn cung luôn được ổn định nên không xảy ra tình trạng thiếu hàng, tăng giá đột biến. Giá các loại rau củ quả và thực phẩm tươi sống hầu hết tăng theo quy luật thông thường. Sau Tết Nguyên đán, giá các loại thực phẩm đã ổn định trở lại do thời tiết thuận lợi, nhu cầu giảm. Từ tháng 4/2017 đến nay, giá thịt lợn hơi giảm sâu do nguồn cung trong nước quá dư thừa trong khi đầu ra tiêu thụ không chủ động được thị trường, phụ thuộc quá nhiều vào thị trường Trung Quốc, người chăn nuôi gặp nhiều khó khăn. Do tác động của giá lợn hơi giảm mạnh, giá thịt lợn bán lẻ tại chợ dân sinh và một số siêu thị có điều chỉnh giảm nhưng mức giảm chưa tương ứng với việc giảm giá lợn hơi. Trước tình trạng này, các Bộ, ngành, các phương tiện truyền thông đã có phản ánh và giải pháp nên giá thịt lợn thành phẩm bán lẻ tại các chợ và siêu thị đã giảm bớt chênh lệch so với giá lợn hơi. Hệ thống Coop mart, Vissan... đã giảm giá bán 5-10%, có mặt hàng giảm 20% để kích thích nhu cầu tiêu dùng của người dân, đồng thời giữ nguyên giá thu mua để giảm bớt khó khăn cho người chăn nuôi. So với cùng kỳ năm trước, giá lợn hơi thấp hơn 48%-52%, giá lợn mông sản giảm 20-27%. Từ tháng 5/2017, giá thịt lợn hơi đã có dấu hiệu tăng, tuy nhiên mức tăng chưa nhiều, đến nay đã giảm và ổn định trở lại. So với cùng kỳ năm trước, giá các loại thực phẩm tươi sống biến động không đều. Mức giá cụ thể như sau:

Mặt hàng khu vực	Thịt lợn hơi		Thịt lợn mông sản		Thịt bò thăn	Thịt gà ta
	Miền Bắc	Miền Nam	Miền Bắc	Miền Nam		
Tháng 1	30-35	30-37	70-80	70-75	265-275	110-115
Tháng 2	30-34	30-36	70-80	70-75	260-275	110-120
Tháng 3	30-33	30-33	75-80	70-75	260-275	110-120
Tháng 4	20-27	20-28	65-70	60-70	260-275	100-110
Tháng 5	24-28	22-28	65-70	60-70	260-275	90-110
Tháng 6	22-27	22-26	65-70	60-70	260-275	90-105
Tháng 7	37-40	35-40	80-85	75-80	260-275	90-105
Tháng 8	32-35	30-37	75-80	70-80	260-275	90-105
Tháng 9	30-33	30-34	75-80	70-80	260-275	90-105
Tháng 10	32-35	30-37	75-80	70-80	260-275	90-105
Tháng 11	28-31	27-30	75-80	70-80	260-275	90-105

Tháng 12	28-31	27-30	75-80	70-80	260-275	90-105
Năm 2017 (I)	22-40	20-40	65-85	60-80	260-275	90-120
Năm 2016 (II)	44-54	42-50	85-100	75-95	255-275	110-130
(I)so với (II)	Giảm 14- 22	Giảm 10- 22	Giảm 15- 20	Giảm 15	Tăng 5	Giảm 10

- **Dự báo:** Trong thời gian tới, giá các mặt hàng thực phẩm tươi sống ổn định.

3. PHÂN BÓN URÊ

- **Diễn biến và nguyên nhân:**

* Tháng 12/2017:

+ *Thị trường thế giới:* So với tháng 11/2017, giá phân bón Urê tại một số thị trường chính trên thế giới tăng trong tháng 12/2017 do nhu cầu thị trường tăng. Cụ thể:

DVT: USD/tấn

Thị trường	T11/2017	T12/2017	T12 so với T11
Yuzhny (FOB)	228-233	273-280	Tăng 45-47
Baltic (FOB)	195-200	205-215	Tăng 10-15
Trung Đông (FOB)	265-270	290-295	Tăng 25
Trung Quốc	265-270	275-280	Tăng 10

- *Thị trường trong nước:* Giá phân bón urê trong nước tháng 12/2017 ổn định so với tháng 11/2017 do giá phân bón trên thị trường thế giới ổn định. Tại miền Bắc, mức giá phổ biến khoảng 6.600-7.300 đồng/kg; tại miền Nam, mức giá phổ biến khoảng 6.500-7.300 đồng/kg.

* Năm 2017:

+ *Thị trường thế giới:* Trong tháng 01/2017, do nhu cầu thị trường tăng nhẹ đã tác động làm giá phân bón Urê tăng. Tuy nhiên, từ tháng 02/2017 đến 5/2017, nhu cầu thị trường giảm, giá phân bón Urê giảm. Sang tháng 6/2017, giá phân bón Urê đã tăng trở lại và ổn định đến nay.

+ *Thị trường trong nước:* Trong tháng 01/2017, nhu cầu thị trường không có nhiều biến động, tồn kho lớn đã tác động làm giá phân bón Urê ổn định. Từ tháng 02 đến tháng 5/2017, nhu cầu thị trường giảm đã tác động làm giảm giá

bán phân bón Urê. Sang tháng 6/2017, giá phân bón Urê trong nước đã tăng trở lại. Mức giá phân bón Urê trên thị trường thế giới và trong nước cụ thể như sau:

Thị trường	Thế giới (USD/tấn)	Trong nước (đồng/kg)
Tháng 1	220-242	7.200-7.500
Tháng 2	210-240	7.300-7.600
Tháng 3	200-238	6.500-7.200
Tháng 4	190-217	6.300-7.100
Tháng 5	175-217	6.100-6.800
Tháng 6	179-228	6.100-6.800
Tháng 7	180-228	6.100-6.800
Tháng 8	185-230	6.100-6.800
Tháng 9	200-275	6.500-7.300
Tháng 10	185-230	6.100-6.800
Tháng 11	195-270	6.500-7.300
Tháng 12	205-295	6.500-7.300
Năm 2017	175-295	6.100-7.600
Năm 2016	117-255	7.000-8.300
Năm 2017 so với Năm 2016	Giảm 40-58	Giảm 700-900

- **Dự báo:** Trong thời gian tới, giá phân bón trong nước và thế giới có thể sẽ ổn định do nhu cầu ở mức thấp.

4. MUỐI

- **Diễn biến và nguyên nhân:**

* **Tháng 12/2017:** Giá muối ổn định so với tháng trước. Cụ thể: miền Bắc từ 1.700-2.500 đồng/kg; Nam Trung Bộ: muối thủ công 1.500-1.800 đồng/kg; muối công nghiệp 1.200-1.300 đồng/kg; Đồng bằng sông Cửu Long 900-1.200 đồng/kg.

* **Năm 2017:** Giá muối tại miền Bắc đang có xu hướng giảm còn tại Nam Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long vẫn tiếp tục giữ xu hướng tăng. So với đầu năm, giá muối tại miền Bắc giảm 20%, tại Nam Trung Bộ tăng 70% và Đồng bằng sông Cửu Long tăng 30%. So với cùng kỳ năm ngoái, giá muối tại miền Bắc giảm 16-20%, Nam Trung Bộ tăng khoảng 75% và Đồng bằng sông Cửu Long tăng khoảng 30%.

- **Dự báo:** Trong thời gian tới, giá muối có khả năng sẽ tiếp tục tăng nhẹ.

5. ĐƯỜNG

- **Diễn biến và nguyên nhân:**

+ **Thị trường thế giới:**

* **Tháng 12/2017:** Giá đường giao kỳ hạn trên thị trường thế giới tăng trở lại trong nửa cuối tháng 12/2017 sau khi giảm trong nửa đầu tháng 12/2017 do có thông tin Brazil nâng dự báo về sản lượng ethanol và giảm dự báo về sản lượng đường trong vụ 2017/2018. Tuy nhiên, nhìn chung so với tháng trước giá

đường giao kỳ hạn trên thị trường thế giới tháng 12/2017 giảm do đồng tiền Brazil giảm mạnh so với đồng đô la Mỹ thúc đẩy các nhà sản xuất bán ra để tăng lợi nhuận. Cụ thể:

Tại New York: giá đường thô giao kỳ hạn tháng 3/2018 khoảng 13,66-15,08 Uscent/Lb, giảm 0,29-0,57 Uscent/LB; giá đường thô giao kỳ hạn tháng 5/2018 khoảng 13,52-15,03 Uscent/Lb, giảm 0,3-0,48 Uscent/LB;

Tại Luân đôn: giá đường trắng giao kỳ hạn tháng 3/2018 khoảng 360,5-388,9 USD/tấn, giảm 3,9-19,5 USD/tấn; giá đường trắng giao kỳ hạn tháng 5/2018 khoảng 360,6-391,1 USD/tấn, giảm 6,6-21 USD/tấn;

* *Năm 2017*: Sau khi tăng giá trong tháng 01 và 02/2017, giá đường có xu hướng giảm liên tục từ tháng 3 đến tháng 10/2017 do lực bán ra tăng mạnh khi triển vọng thời tiết thuận lợi ở Brazil và sản lượng của Ấn Độ sẽ hồi phục nên thị trường đường niên vụ mía đường 2017-2018 thặng dư ở mức cao. Giá đường thế giới tăng trở lại từ tháng 11/2017 do lượng cầu tăng và giảm trong nửa đầu tháng 12/2017 do các nhà sản xuất tích cực bán ra để tăng lợi nhuận. Sang nửa cuối tháng 12/2017, giá đường tăng trở lại do có thông tin Brazil nâng dự báo về sản lượng ethanol và giảm dự báo về sản lượng đường trong vụ 2017/2018.

Tuy nhiên, nhìn chung, giá đường thế giới giao kỳ hạn năm 2017 giảm so với cùng kỳ năm 2016: Tại New York, giá đường thô khoảng 12,55-20,97 Uscent/Lb, giảm 2,45 Uscent/Lb; tại Luân Đôn giá đường trắng khoảng 360,5-560,6 USD/tấn, giảm 7,9-43,8 USD/tấn. Cụ thể:

Tháng/Thị trường	Đường trắng Luân Đôn (USD/tấn)	Đường thô New York (Uscent/Lb)
Tháng 1/2017	536,3-544,7	20,12-20,8
Tháng 2/2017	537,3-560,6	19,99-20,97
Tháng 3/2017	485,9-543,6	17,29-19,66
Tháng 4/2017	464,3-484,2	16,16-16,67
Tháng 5/2017	438,4-473,2	15,02-16,51
Tháng 6/2017	386,8-422,1	12,55 – 14,87
Tháng 7/2017	381,7-402,3	13,44-14,5
Tháng 8/2017	361-399,3	13,13-14,91
Tháng 9/2017	369,2-386,9	13,08-14,55
Tháng 10/2017	365,5-380,9	13,88-14,73
Tháng 11/2017	382,4-396,2	14,23-15,37
Tháng 12/2017	360,5-388,9	13,66-15,08
Năm 2017	360,5-560,6	12,55-20,97
Năm 2016	368,4 -604,4	12,52 – 23,42
So năm 2017 với năm 2016	Giảm 7,9-43,8	Giảm 2,45

- *Thị trường trong nước:*

* *Tháng 12/2017:*

+ Về sản xuất, tiêu thụ: Đến ngày 21/12/2017, có 21 nhà máy đường (NMĐ) đã vào vụ sản xuất, trong đó: 11/11 NMĐ ở miền Bắc và Bắc Trung Bộ, 5/6 NMĐ ở Đông Nam Bộ và 5/6 NMĐ hoạt động vụ này ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Sản xuất từ mía: lũy kế đến 15/12/2017, đã ép 1.287.220 tấn mía, sản xuất 113.236 tấn đường. Sản xuất từ đường thô: lũy kế đến 15/12/2017, sản xuất được 52.490 tấn (trong đó có 51.117 tấn từ đường thô nhập khẩu và 1.373 tấn từ đường thô trong nước).

Tồn kho tại các NMĐ đến 15/12/2017: 231.616 tấn, tại các công ty thương mại: 29.766 tấn.

+ Về giá bán: So với tháng 11/2017, giá bán buôn đường trên thị trường 15 ngày tháng 12/2017 tiếp tục ở mức thấp do các doanh nghiệp sử dụng đường chờ đợi để được mua với giá rẻ khi đầu năm 2018 mặt hàng này sẽ phải thực hiện theo lộ trình Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA). Giá bán buôn đường RS ở mức khoảng 12.700-14.000 đồng/kg, giảm 300 đồng/kg; giá bán buôn đường RE ở mức khoảng 14.600-16.000 đồng/kg, giảm 400 đồng. Giá bán lẻ đường trên thị trường ở mức 15.000-18.000 đồng/kg

* Năm 2017: Do nguồn cung dồi dào, việc đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trực tiếp và nhu cầu nguyên liệu đường cho các nhà máy chế biến được bảo đảm.

So với cùng kỳ năm 2016, giá bán buôn đường năm 2017 giảm, cụ thể: giá bán buôn đường RS khoảng 12.700-17.000 đồng/kg, giảm 300-1.000 đồng/kg; giá bán buôn đường RE khoảng 14.600-17.800 đồng/kg, giảm 400 đồng/kg; giá bán lẻ đường 15.000-18.000 đồng/kg, giảm khoảng 2.000 đồng/kg.

Đơn vị tính: đồng/kg

Tháng/Thị trường	Giá bán buôn đường RS	Giá bán buôn đường RE
Tháng 1/2017	16.600-17.000	16.800-17.800
Tháng 2/2017	16.000-16.700	16.800-17.500
Tháng 3/2017	15.400-16.700	16.700-17.500
Tháng 4/2017	15.100-16.700	16.700-17.500
Tháng 5/2017	15.100-16.400	16.600-17.500
Tháng 6/2017	14.800-16.300	16.300-17.000
Tháng 7/2017	14.300-16.000	16.000-17.000
Tháng 8/2017	14.300-16.000	16.000-16.800
Tháng 9/2017	13.100 - 14.600	15.700-16.500
Tháng 10/2017	13.000-14.200	15.400-16.400

Tháng 11/2017	13.000-14.000	15.000-16.000
Tháng 12/2017	12.700-14.000	14.600-16.000
Năm 2017	12.700-17.000	14.600-17.800
Năm 2016	13.700-17.300	15.000-18.200
So năm 2017 với năm 2016	Giảm 300-1.000	Giảm 400

- **Dự báo:** Theo dự báo của Tổ chức đường Thế giới (ISO), cân đối cung cầu đường thế giới niên vụ 2017/2018 dư thừa khoảng 5,0 triệu tấn. Do đó dự báo, giá đường trong những tháng tới khả năng tiếp tục ở mức thấp.

Trong nước, sản lượng đường từ tháng 01/2018 sẽ tăng cao ước đạt 150.000-200.000 tấn/tháng do sản xuất bước vào chính vụ nên nguồn cung đường bảo đảm đáp ứng mọi nhu cầu tiêu dùng trong nước, kể cả để chuẩn bị phục vụ Tết nguyên đán Mậu Tuất. Do đó, giá đường trong nước tháng 01/2018 vẫn khó có khả năng cải thiện.

6. THỨC ĂN CHĂN NUÔI

- Diễn biến và nguyên nhân:

+ Thị trường thế giới:

* **Tháng 12/2017:** Giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi thế giới tháng 12/2016 có xu hướng ổn định so với tháng 11/2016. Tại Chicago, giá khô đậu tương giao tháng 01/2018 dao động khoảng 310 USD/tấn; giá đậu tương giao tháng 01/2018 dao động khoảng 9,98 USD/Bushel; giá ngô giao tháng 01/2018 dao động khoảng 320 USD/Bushel (trong đó 36,743 Bushel = 1 tấn).

* **Năm 2017:** Giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi thế giới ổn định trong tháng 01/2017, tăng trong tháng 02/2017, giảm nhẹ và ổn định từ tháng 3/2017 đến tháng cuối năm. Tính chung năm 2017 giá thức ăn chăn nuôi giao kỳ hạn trên thị trường Chicago giảm so với năm 2016. Hiện giá khô đậu tương dao động khoảng 297-304USD/tấn; giá đậu tương dao động khoảng 9,32-9,3 USD/Bushel; giá ngô dao động khoảng 357,35-375,25 USD/Bushel.

+ **Thị trường trong nước:** Hiện giá thức ăn hỗn hợp ổn định so với tháng trước, cụ thể: giá thức ăn cho gà thịt ở mức 9.500-9.700 đồng/kg; giá thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt ở mức 8.700 đồng/kg.

Giá thức ăn chăn nuôi hỗn hợp tương đối ổn định trong 3 tháng đầu năm 2017, giảm trong 03 tháng tiếp theo, ổn định từ tháng 6/2017 đến cuối năm. Tính chung năm 2017, giá thức ăn chăn nuôi hỗn hợp giảm so với năm 2016. Hiện giá thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt phổ biến ở mức 7.800 đồng/kg, giá thức ăn hỗn hợp cho gà thịt ở mức 9.010 đồng/kg.

- **Dự báo:** Trong thời gian tới giá thức ăn chăn nuôi thế giới và trong nước có xu hướng ổn định.

7. XI MĂNG

** Tháng 12/2017:*

- **Sản xuất và tiêu thụ:** Ước lượng sản xuất của toàn ngành xi măng tháng 12/2017 đạt 6.3 triệu tấn, tăng khoảng 1 triệu tấn so với tháng 11/2017; cả năm 2017 ước đạt khoảng 65 triệu tấn tăng khoảng 4 triệu tấn (khoảng + 7%) so với cùng kỳ năm trước; ước lượng tiêu thụ xi măng tháng 12/2017 đạt 6,5 triệu tấn, tăng khoảng 0,6% so với tháng 11/2017; cả năm 2017 ước đạt 62 triệu tấn tăng khoảng 3% so với năm 2016.

- **Diễn biến và nguyên nhân:** Theo báo cáo của TCTCNXM, giá xi măng tháng 12/2017 cơ bản ổn định so với tháng 11/2017. Nguyên nhân do giá nguyên vật liệu đầu vào, chi phí sản xuất cơ bản ổn định nên các nhà máy sản xuất kinh doanh xi măng cơ bản giữ ổn định giá bán. Cụ thể giá bán tại nhà máy của các công ty xi măng thuộc Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam tháng 12/2017 như sau:

ĐVT: đồng/tấn

STT	Đơn vị	Chủng loại XM (bao)	tháng 12/2017	Cuối tháng 11/2017	Chênh lệch (+/-)
1	XM Vicem Hoàng Thạch	PCB30 bao	1.240.000	1.240.000	0
2	XM Vicem Hải Phòng	PCB30 bao	1.270.000	1.270.000	0
3	XM Vicem Bút Sơn	PCB30 bao	1.240.000	1.240.000	0
4	XM Vicem Bim Sơn	PCB30 bao	1.240.000	1.240.000	0
5	XM Vicem Tam Điệp	PCB40 bao	1.140.000	1.140.000	0
6	XM Vicem Hoàng Mai	PCB40 bao	1.250.000	1.250.000	0
7	XM Vicem Hải Vân	PCB40 bao	1.300.000	1.300.000	0
8	XM Vicem Hà Tiên	PCB40 bao	1.675.000	1.675.000	0

(Giá giao trên phương tiện bên mua tại nhà máy và đã có thuế GTGT)

Tháng 12/2017: Theo báo cáo của Sở Tài chính các tỉnh, thành phố, giá bán lẻ xi măng tháng 12/2017 cơ bản ổn định so với cuối tháng 11/2017; tại các tỉnh miền Bắc, miền Trung hiện phổ biến 1.050.000-1.550.000 đồng/tấn; tại các tỉnh miền Nam phổ biến 1.460.000-1.950.000 đồng/tấn.

Giá xi măng xuất khẩu tại Hòn Gai tháng 12/2017 ổn định so với tháng cuối tháng 11/2017 vào khoảng 48,5-51 USD/tấn; giá clinker xuất khẩu vào khoảng 29- 30 USD/tấn FOB Cẩm Phả.

** Năm 2017:*

- **Diễn biến và nguyên nhân:** Theo báo cáo của TCTCNXM, giá xi măng 2017 cơ bản ổn định so với cuối năm 2016. Nguyên nhân do giá nguyên vật liệu đầu vào, chi phí sản xuất cơ bản ổn định nên các nhà máy sản xuất kinh doanh xi măng cơ bản giữ ổn định giá bán. Cụ thể giá bán tại nhà máy của các công ty xi măng thuộc Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam như sau:

ĐVT: đồng/tấn

STT	Đơn vị	Chủng loại XM (bao)	Năm 2017	Tháng 12/2016	Chênh lệch (+/-)
1	Công ty xi măng Hoàng Thạch	PCB30	1.270.000	1.270.000	0
2	Công ty xi măng Hải Phòng	PCB30	1.270.000	1.270.000	0
3	Công ty xi măng Bút Sơn	PCB30	1.270.000	1.270.000	0
4	Công ty xi măng Bim Sơn	PCB30	1.270.000	1.270.000	0
5	Công ty xi măng Tam Điệp	PCB40	1.170.000	1.170.000	0
6	Công ty xi măng Hoàng Mai	PCB40	1.250.000	1.250.000	0
7	Công ty xi măng Hải Vân	PCB40	1.325.000	1.325.000	0
8	Công ty xi măng Hà Tiên 1	PCB40	1.705.000	1.705.000	0

(Giá giao trên phương tiện bên mua tại nhà máy và đã có thuế GTGT)

Giá xi măng bán lẻ trên thị trường: Theo báo cáo của Sở Tài chính các tỉnh, thành phố, giá bán lẻ xi măng năm 2017 cơ bản ổn định so với cuối năm 2016; cụ thể: tại các tỉnh miền Bắc, miền Trung hiện phổ biến 1.050.000-1.550.000 đồng/tấn; tại các tỉnh miền Nam phổ biến 1.460.000-1.950.000 đồng/tấn.

Giá xi măng xuất khẩu năm 2017 cơ bản ổn định so với cuối năm 2016 dao động ở mức 44,5-48 USD/tấn; giá clinker xuất khẩu ở mức 30-34 USD/tấn FOB Cẩm Phả.

- **Dự báo:** Tháng 01/2018, giá bán xi măng tại các doanh nghiệp sản xuất xi măng cơ bản ổn định.

8. THÉP XÂY DỰNG

- **Sản xuất và tiêu thụ:** Theo Tổng Công ty thép Việt Nam, ước sản lượng sản xuất thép xây dựng tháng 12/2017 ước đạt 900 ngàn tấn, tăng 7,4% so với tháng 11/2017; cả năm 2017 sản lượng thép sản xuất ước đạt khoảng 9,2 triệu tấn, tăng khoảng 13,5% so với cùng kỳ năm 2016. Sản lượng thép tiêu thụ tháng 12/2017 ước đạt khoảng 950 ngàn tấn, tăng khoảng 7,5% so với tháng 11/2017; cả năm 2017 ước đạt khoảng 9,12 triệu tấn tăng khoảng 12% so với cùng kỳ năm 2016.

- Diễn biến giá:

*** Tháng 12/2017:**

+ *Thị trường thế giới:* Giá chào bán phôi thép thị trường thế giới tháng 12/2017 đã tăng khoảng 5-15USD/tấn, hiện tại giá chào phôi thép CFR Đông Á ở khoảng 410-445 USD/tấn, giá chào phôi CIS khoảng 420 USD/tấn FOB Biển Đen.

+ *Thị trường trong nước:* Giá thép xây dựng trên thị trường trong nước tháng 12/2017 đã tăng 100-400 đồng/kg, tùy từng loại và nhà sản xuất do giá phôi thép nhập khẩu tăng. Hiện tại, giá bán tại các nhà máy sản xuất thép ở mức khoảng từ 11.400-14.200 đồng/kg (giá giao tại nhà máy, chưa bao gồm thuế VAT, chiết khấu bán hàng).

*** Năm 2017:**

+ *Thị trường thế giới:* Giá chào bán phôi thép thị trường thế giới từ cuối tháng 01/2017 đến tháng 02/2017 tăng khoảng 10-15 USD/tấn so với tháng 12/2016; đến tháng 3/2017 giá chào phôi thép thị trường thế giới tăng khoảng 5-10 USD/tấn so với cuối tháng 02/2017; từ cuối tháng 4 đến đầu tháng 5/2017, giá thép phế giảm 20-25 USD/tấn xuống còn mức 255-265 USD/tấn, giá phôi thép giảm mạnh 25-23 USD/tấn và hiện còn giữ mức 390-410 USD/tấn; Tuy nhiên, từ cuối tháng 7/2017 đến đầu tháng 10/2017, giá chào phôi thép thị trường thế giới đã tăng khoảng 20-35 USD/tấn; từ nửa cuối tháng 10/2017 đến cuối tháng 11/2017 giá chào phôi thép đã giảm; tuy nhiên từ đầu tháng 12/2017 đến nay giá chào phôi thép đã tăng khoảng 5-15USD/tấn, hiện tại giá chào phôi thép CFR Đông Á ở khoảng 410-445 USD/tấn, giá chào phôi CIS khoảng 420 USD/tấn FOB Biển Đen.

+ *Thị trường trong nước:* Giá thép xây dựng trên thị trường trong nước tăng/giảm theo diễn biến giá phôi, thép phế thị trường thế giới. Cụ thể: tháng 01/2017 ổn định; sang tháng 02/2017, do tác động của giá phôi thép, thép phế trên thị trường thế giới biến động tăng và nhu cầu tiêu thụ thép trong nước tăng nên giá thép xây dựng trên thị trường trong nước tăng 200-400 đồng/kg trong tháng 2/2017; tháng 03/2017 giá thép xây dựng tiếp tục tăng khoảng 200-500 đồng/kg. Tổng mức tăng 3 tháng đầu năm 2017 so với cuối năm 2016 khoảng 600-900 đồng/kg, tùy từng loại. Từ tháng 4/2017 đến tháng 7/2017, do giá nguyên vật liệu trên thị trường thế giới giảm nên các doanh nghiệp sản xuất thép trong nước đã điều chỉnh giảm nhiều lần và tổng mức giảm khoảng từ 400-800 đồng/kg, tùy từng loại so với cuối tháng 3/2017. Tuy nhiên, từ cuối tháng 7/2017 đến đầu tháng 10/2017 do giá phôi thép, thép phế trên thị trường thế giới biến động tăng làm tác động tăng giá nguyên vật liệu đầu vào nhập khẩu, do đó các nhà sản xuất thép trong nước điều chỉnh tăng giá thép trong nước khoảng 600-1.000 đồng/tấn; Từ nửa cuối tháng 10/2017 đến cuối tháng 11/2017, do giá nguyên vật liệu đầu vào biến động giảm nên giá thép tại các nhà máy giảm khoảng 300-700 đồng/kg, tùy từng chủng loại; tuy nhiên từ đầu tháng 12/2017 đến nay giá thép xây dựng đã tăng 100-400 đồng/kg, tùy từng loại và nhà sản xuất do giá phôi thép nhập khẩu tăng. Hiện tại, giá bán tại các nhà máy sản xuất

thép ở mức khoảng từ 11.400-14.200 đồng/kg (giá giao tại nhà máy, chưa bao gồm thuế VAT, chiết khấu bán hàng).

Giá thép xây dựng bán lẻ trên thị trường hiện tại như sau: tại các tỉnh miền Bắc và miền Trung dao động ở mức 11.300-13.900 đồng/kg; tại các tỉnh Miền Nam dao động ở mức 11.600-14.200 đồng/kg.

- **Dự báo:** Tháng 01/2018, giá bán lẻ thép xây dựng tại thị trường trong nước cơ bản ổn định hoặc tăng nhẹ.

9. LPG

* Tháng 12/2017:

- **Tình hình cung - cầu:** Tổng nhu cầu sử dụng LPG trong nước tháng 12/2017 ước khoảng 130.000 tấn, ổn định so với tháng 11/2017. Trong đó; nguồn cung LPG từ sản xuất trong nước của Nhà máy Dinh Cố và Dung Quất ổn định 56.000 tấn (bằng 43,1% nhu cầu); nguồn nhập khẩu khoảng 74.000 tấn (bằng 56,9% nhu cầu).

- **Diễn biến giá cả:** Theo tin Reuters, giá CP (contract price) trên thị trường thế giới tháng 12/2017 do Công ty Aramco của Ả Rập công bố tăng nhẹ so với tháng 11/2017. Theo đó, giá CP bình quân tháng 12/2017 là 580 USD/tấn, tăng 2,5 USD/tấn so với tháng 11/2017 (tháng 11/2017: 577,5 USD/tấn), tỷ lệ tăng khoảng 0,43%.

Các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá LPG tại Bộ Tài chính điều chỉnh tăng giá bán lẻ LPG khoảng 1.000đồng /bình 12kg (có doanh nghiệp giữ ổn định giá bán). Mức giá bán lẻ của các đơn vị từ tháng 12/2017 cụ thể như sau:

T T	Tên công ty	Đơn vị tính	Mức giá kê khai liên kế trước	Mức giá kê khai tháng này	Mức tăng		Tỷ lệ tăng
					Đồng/kg	Đồng /bình 12kg	
1	Công ty TNHH MTV dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Petro)	Bình 12kg	349.000	350.000	83	1.000	0,29%
2	Công ty cổ phần kinh doanh khí Miền Nam	Bình 12kg	350.000	351.000	83	1.000	0,29%
3	Công ty TNHH thương mại Trần Hồng Quân	Bình 12kg	318.000	318.000	0	0	0
4	Công ty TNHH Super Gas	Bình 12kg	377.988	378.988	83	1.000	0,265%

** Năm 2017:*

- **Tình hình cung - cầu:** Tổng nhu cầu sử dụng LPG trong nước cả năm 2017 ước khoảng 1.560.000 tấn. Trong đó; nguồn cung LPG từ sản xuất trong nước của Nhà máy Dinh Cố và Dung Quất ổn định 672.000 tấn (bằng 43,08% nhu cầu); nguồn nhập khẩu khoảng 888.000 tấn (bằng 56,92% nhu cầu).

- **Diễn biến giá cả:**

+ **Thị trường thế giới:** Quý I và Quý II/2017: giá CP trên thị trường thế giới biến động chủ yếu theo xu hướng giảm. Theo đó giá CP tăng trong 02 tháng đầu năm giá CP và liên tục giảm trong các tháng tiếp theo. Quý III/2017, giá CP giảm trong tháng 7 và liên tục tăng trong tháng 8 và tháng 9. Sang đến Quý IV/2017, tháng 10 và tháng 12/2017 tăng, riêng tháng 11/2017 giữ ổn định so với tháng 10/2017.

+ **Thị trường trong nước:** Quý I & Quý II/2017: Được điều chỉnh trên cơ sở biến động của giá CP trên thị trường thế giới, giá LPG trong nước 06 tháng đầu năm được điều chỉnh tương ứng với biến động của giá thế giới. Theo đó, các doanh nghiệp kê khai giá tại Bộ Tài chính điều chỉnh tăng giá bán trong tháng 1 và tháng 2. Từ tháng 3/2017 giá LPG trong nước liên tục giảm và ổn định trong tháng 6. Quý III/2017, các doanh nghiệp điều chỉnh giảm giá trong tháng 7/2017 sang tháng 8 và tháng 9/2017, giá LPG trong nước lại được điều chỉnh tăng liên tục. Đến Quý IV/2017, tháng 10 và tháng 12/2017, được điều chỉnh tăng, riêng tháng 11/2017 giữ ổn định so với tháng 10/2017

Như vậy, năm 2017, giá LPG trong nước được điều chỉnh 12 lần với 6 lần tăng, 4 lần giảm và 2 lần ổn định. Bảng tổng hợp giá CP trên thị trường thế giới và bán lẻ LPG trong nước năm 2017 như sau:

Thị trường	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10-11	T12
Thế giới (USD/T)	465	555	540	460	387,5	387,5	355	440	490	577,5	580
Hà Nội (đ/bình 12kg)	284	311	307	282	259	259	249	276	292	318	318
Tp.HCM (đ/bình 12kg)	312	340	335,5	310,5	288	288	278	305	321	349	350

** Ghi chú: tại Hà Nội lấy giá khuyến nghị đến tay người tiêu dùng của Công ty TNHH thương mại Trần Hồng Quân; tại TP.HCM lấy giá của Công ty TNHH MTV dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh.*

- **Dự báo:** Giá bán LPG tháng 01/2018: Do các nước ở Châu Âu và Mỹ đã dự trữ đủ cho nhu cầu sử dụng LPG tăng cao vào mùa đông và tình hình diễn biến của giá dầu thô trên thị trường thế giới trong thời gian gần đây... nên dự

kiến giá LPG thế giới và thị trường trong nước có thể ổn định trong tháng 01/2018.

10. XĂNG, DẦU

- *Giá xăng dầu thành phẩm Platts Singapore:*

* *Tháng 12/2017:* Giá xăng dầu thành phẩm Platts Singapore tháng 12/2017 diễn biến tăng giá ở các mặt hàng xăng, dầu diesel, dầu hỏa và giảm giá ở mặt hàng dầu ma dút. So sánh giá xăng dầu thế giới bình quân tháng 12/2017 với bình quân tháng 11/2017 cho thấy, giá mặt hàng xăng tăng 0,2%, dầu ma dút giảm 0,6% và dầu diesel tăng 3%, dầu hỏa tăng 1,9%.

* *Năm 2017:* Giá xăng dầu thế giới tháng 01/2017 xu hướng tăng giá. So sánh giá xăng dầu thế giới bình quân tháng 01/2017 với bình quân tháng 12/2016 cho thấy giá mặt hàng xăng, dầu tăng từ 1,05% đến 3,81%. Sang đến tháng 02/2017, giá xăng dầu thế giới diễn biến trái chiều ở các mặt hàng với xu hướng tăng giá đối với xăng, dầu hỏa và dầu diesel, giảm giá đối với dầu ma dút. Đến tháng 3/2017 giá mặt hàng xăng, dầu giảm giá từ 5,67% đến 8,50%. Tháng 4/2017, giá xăng dầu đảo chiều, tăng giá ở các mặt hàng với mức tăng từ 3,51% đến 5,96%. Đến tháng 5/2017, giá xăng dầu thế giới lại diễn biến theo chiều hướng giảm với mức giảm từ 2,49% đến 6,14%. Tuy nhiên, kể từ tháng 7 và tháng 9/2017, giá xăng dầu thế giới đều diễn biến theo chiều hướng tăng. Sang đến tháng 10/2017, giá xăng giảm nhẹ và tăng nhẹ ở các mặt hàng dầu; đến tháng 11/2017 và tháng 12/2017, giá các mặt hàng xăng dầu tiếp tục tăng nhẹ.

- *Giá xăng dầu trong nước:*

* *Tháng 12/2017:* Trong tháng 12/2017, Bộ Công Thương đã ban hành 02 công văn điều hành kinh doanh xăng dầu. Cụ thể:

+ Công văn số 11448/BCT-TTTN ngày 05/12/2017 cho phép: giữ nguyên mức trích lập Quỹ BOG xăng dầu đối với các mặt hàng xăng dầu như hiện hành; chi sử dụng quỹ BOG xăng dầu đối với mặt hàng xăng khoáng: 585 đồng/lít, xăng E5: 604 đồng/lít, dầu diesel 0,05S: 388 đồng/lít, dầu hỏa: 485 đồng/lít, dầu ma dút: 239 đồng/kg. Theo đó, các thương nhân đầu mối đã điều chỉnh tăng giá bán đối với dầu diesel 0,05S là 150 đồng/lít, các mặt hàng xăng dầu khác giá bán ổn định.

+ Công văn số 11964/BCT-TTTN ngày 20/12/2017 cho phép: giữ nguyên mức trích lập và sử dụng quỹ BOG đối với các mặt hàng xăng, dầu như hiện hành; chi sử dụng Quỹ BOG xăng dầu đối với mặt hàng xăng khoáng: 523 đồng/lít, xăng E5: 546 đồng/lít, dầu diesel 0,05S: 417 đồng/lít, dầu hỏa: 460 đồng/lít, dầu ma dút: 80 đồng/kg. Theo đó, các thương nhân đầu mối điều chỉnh giữ nguyên giá bán đối với mặt hàng xăng, dầu các loại.

Hiện nay, giá bán lẻ, mức trích, mức sử dụng Quỹ BOG, thuế suất thuế nhập khẩu bình quân gia quyền các chủng loại xăng, dầu trong giá cơ sở từ sau thời điểm 15 giờ 00 ngày 20/12/2017 cụ thể như sau:

Các chủng loại xăng dầu	Giá bán trong nước hiện hành (đồng/lít,kg)	Quỹ BOG (đồng/lít,kg)		Thuế suất thuế nhập khẩu bình quân trong giá cơ sở (%)
		Trích	Sử dụng	
Xăng RON 95	19.280	300	523	8,56
Xăng RON 92	18.580	300	523	8,56
Xăng E5	18.240	0	546	8,56
Dầu điêzen 0,05S	15.160	300	417	2,15
Dầu hỏa	13.610	300	460	0,09
Dầu madut 3,5S	12.380	300	80	3,78

Ghi chú: Giá bán hiện hành lấy theo giá bán hiện hành của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam.

* Năm 2017: Tính từ đầu năm đến ngày 20/12/2017, căn cứ vào diễn biến thị trường xăng dầu thế giới, giá xăng dầu trong nước đã được điều chỉnh 24 lần. Cụ thể các lần điều chỉnh như sau:

	Số lần tăng	Mức tăng	Số lần giảm	Mức giảm	Giữ ổn định	Mức tăng/giảm
Xăng RON 92	10	3.916	9	(2.920)	5	996
E5 RON92	10	3.658	9	(2.730)	5	928
Điêzen 0,05S	15	4.101	7	(2.370)	2	1.731
Dầu hoả	14	4.318	7	(2.830)	3	1.488
Madut	15	3.479	7	(1.720)	2	1.759

- **Dự báo:** Trong thời gian tới thị trường dầu thô thế giới tiếp tục chịu ảnh hưởng từ các thông tin liên quan đến kết quả gia hạn thỏa thuận cắt giảm sản lượng của OPEC và biến động địa chính trị ở các nước khu vực trung đông.

11. THUỐC

- **Diễn biến:** Về cơ bản thị trường thuốc tháng 12/2017 và cả năm 2017 vẫn tiếp tục ổn định, đáp ứng đủ thuốc cung ứng cho nhu cầu phòng và chữa bệnh của nhân dân.

Qua khảo sát một số loại thuốc bán lẻ trên thị trường không có mặt hàng nào biến động giá so với tháng 12/2017, cụ thể:

Stt	Tên thuốc	Đvt	Hãng sản xuất	Đơn giá (VNĐ)	So với cuối tháng 12/2017 (%)
1	Amplicilin 500mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Cty cổ phần dược liệu TW2	76.000	0
2	Thuốc ho bổ phế Nam Hà	Lọ x 125ml	Nam Hà Pharma	13.500	0
3	An Thảo (thuốc chữa nhiệt)	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Dược phẩm Yên Bái	53.000	0
4	Rutin-C	Hộp 100 viên	Intech pharma	15.000	0
5	Vitamin 3B	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Dược thảo Phúc Vinh	50.000	0
6	Plusssz max	Lọ 20 viên	NP Pharma	32.000	0
7	Dophazolin	Lọ 8ml	Đại học dược HN	12.000	0
8	Vimaxx (eyes drops)	Lọ 15ml	Cty cổ phần dược phẩm Nam Hà	15.000	0

Theo thông tin về giá thuốc kê khai công bố trên trang điện tử của Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế, tính từ đầu năm đến ngày 06/12/2017: Về thuốc nhập khẩu, có 2.020 lượt mặt hàng thuốc kê khai giá, 39 lượt mặt hàng kê khai lại giá; về thuốc sản xuất trong nước, có 2.816 lượt mặt hàng kê khai giá, 88 lượt mặt hàng kê khai lại giá.

Năm 2017, Bộ Y tế đã triển khai đấu thầu tập trung thuốc cấp quốc gia, hiện Bộ Y tế đã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho 22 mặt hàng thuốc đấu thầu tập trung cấp quốc gia (05 thuốc biệt dược và 17 thuốc generic) với tổng giá trị là 2.269 tỷ đồng, giảm 477 tỷ đồng so với tổng trị giá tính theo giá kế hoạch lựa chọn nhà thầu (giá kế hoạch lựa chọn nhà thầu được xây dựng căn cứ giá trúng thầu trong vòng 12 tháng trước) và Bộ Y tế đã ký thỏa thuận khung với các nhà thầu và các cơ sở y tế trên cả nước sẽ thực hiện ký hợp đồng trực tiếp với các nhà thầu trúng thầu để cung ứng thuốc cho như cầu điều trị.

- **Nguyên nhân:** Giá thuốc trên thị trường ổn định là do nguồn cung thuốc dồi dào; giá nhập khẩu thuốc và nguyên liệu sản xuất thuốc nhìn chung ổn định và việc tăng cường xem xét giá thuốc kê khai của Bộ Y tế và Sở Y tế.

- **Dự báo:** Trong tháng 01/2018, mặt bằng giá thuốc giá thuốc cơ bản ổn định. Nguồn cung ứng thuốc vẫn đáp ứng đủ nhu cầu phòng bệnh và chữa bệnh của người dân.

12. VÀNG

- Thị trường thế giới:

* **Tháng 12/2017:** Giá vàng thế giới giảm liên tục trong hai tuần đầu tháng, xuống mức thấp nhất kể từ tháng 7/2017 (1.239 USD/ounce-ngày 14/12), sau đó, tăng liên tục ở hai tuần tiếp theo (qua 6 phiên giao dịch), lên mức 1.297 USD/ounce vào ngày cuối tháng.

Yếu tố chính gây sức ép giảm giá vàng là việc FED quyết định nâng lãi suất cơ bản đồng Đôla Mỹ thêm 0,25 điểm phần trăm vào ngày 13/01 và Thượng viện Mỹ thông qua dự luật cải cách thuế của Tổng thống D.Trump.

Ở chiều ngược lại, đà sụt giảm của lãi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ khiến vàng tăng giá trở lại như tài sản đảm bảo trước rủi ro từ chính sách nới lỏng tiền tệ.

* *Năm 2017*: Xu hướng chung là giá vàng tăng, với sự biến động giá dạng “nhấp nhô”, trong đó các lần giá chạm đỉnh là: 1.219 USD/ounce (19/01), 1.249 USD/ounce (24/02), 1.286 USD/ounce (18/4); 1.290 USD/ounce (7/6); 1.351 USD/ounce (3/9); 1.304 USD/ounce (8/10); 1.300 USD/ounce (12/11) và 1.298 USD/ounce (24/12); các lần giá chạm đáy là: 1.187 USD/ounce (27/01), 1.203 USD/ounce (14/3), 1.222 USD/ounce (11/5); 1.280 USD/ounce (30/9); 1.274USD/ounce (1/10); 1.273 (29/10 và 1.257USD/ounce (14/10).

Những yếu tố hỗ trợ giá vàng tăng gồm: Triều Tiên nhiều lần phóng tên lửa đạn đạo, bất chấp nghị quyết và các biện pháp trừng phạt của Liên Hiệp Quốc; khủng hoảng nhập cư tác động đến khu vực Eurozone, hiệu ứng nước Anh ra khỏi liên minh EU, xung đột vũ trang tại Syria kéo theo sự can thiệp quân sự của Nga, Mỹ và Tây Âu; giá dầu thô tăng (giá dầu WTI bình quân 50.90 USD/thùng (năm 2017) so với mức 43.41USD/thùng (năm 2016))...

Những yếu tố hạn chế tốc độ tăng giá vàng gồm: kinh tế Mỹ tăng trưởng khả quan, chứng khoán Mỹ (S & P 500, Nasdaq) đứng ở mức cao nhất lịch sử trong 5 năm trở lại đây đã hút một lượng tiền lớn; kinh tế Eurozone phục hồi ổn định, FED ba lần nâng lãi suất cơ bản...

- Thị trường trong nước:

* *Tháng 12/2017*: Trong tháng 12/2017, thị trường vàng trong nước giao dịch ở mức cầm chừng, có xu hướng đi xuống ở tuần đầu tiên và hồi phục và tăng dần từ tuần thứ hai đến cuối tháng. Trong những phiên giảm giá của giá vàng đã tác động tích cực đến tâm lý giao dịch của các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội mua vào, thị trường vàng trong nước ghi nhận một số phiên giao dịch khởi sắc hơn. Mức chênh lệch giữa giá vàng trong nước và giá vàng thế giới theo quy đổi đã nới rộng ra ở mức khoảng 1,9 triệu đồng/lượng. Chốt phiên giao dịch cuối năm 2017, giá vàng chốt ở mức 3.550-3.460 triệu đồng/chỉ.

Giá bán vàng 99,99% tại các công ty kinh doanh vàng bạc Nhà nước tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh (đầu tháng 12/2017) dao động lần lượt ở mức 3.630- 3.652 triệu đồng/chỉ, đến cuối tháng, giá vàng dao động phổ biến lần lượt ở mức 3.550-3.460 triệu đồng/chỉ.

* *Năm 2017*: Thị trường vàng trong nước không có nhiều biến động lớn, giao dịch khá trầm lắng trong bối cảnh thị trường thế giới ghi nhận một năm giao dịch sôi động với mức tăng hàng tháng là 1,64% và tăng 12,67% hàng năm. Ngoài những đợt giá vàng tiến sát và bứt phá mốc 37 triệu đồng/lượng vào đầu tháng 2/2017, giữa tháng 4 và đầu tháng 9/2017 thì giá vàng trong nước chủ yếu xoay quanh mốc 36 triệu đồng/lượng. Trên thế giới, giá vàng có những thời

điểm biên độ lên giá khá mạnh. Giá vàng trong nước có mức tăng dè dặt hơn, do vậy, có lúc giá vàng trong nước ngang bằng với giá vàng thế giới theo quy đổi. Tình hình cung - cầu vàng trong nước từ đầu năm đến nay tương đối ổn định, không có sự chênh lệch lớn, nhờ đó giá vàng trong nước diễn biến ổn định hơn so với giá vàng thế giới.

Chỉ số giá vàng trong năm 2017, của từng tháng (so với tháng trước) như sau: Tháng 1/2017 giảm 0,18%, tháng 2/2017 tăng 2,45%, tháng 3/2017 giảm 0,28%, tháng 4/2017 tăng 1,01%, tháng 5/2017 giảm 0,1%, tháng 6/2017 tăng 0,25%, tháng 7/2017 giảm 0,88%, tháng 8/2017 tăng 1,11%, tháng 9/2017 tăng 2,61%, tháng 10/2017 giảm 0,88%, tháng 11/2017 giảm 0,3%, tháng 12/2017 giảm 0,12%. Chỉ số giá vàng bình quân năm 2017 tăng 3,71% so với cùng kỳ năm 2016.

13. ĐÔ LA

- Thị trường thế giới:

*** Tháng 12/2017:**

Tại Mỹ: chỉ số USD Index tăng mạnh lên 94,18 điểm (14/12) theo quyết định của Ủy ban thị trường mở liên bang. Tuy nhiên, lãi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ sụt giảm khiến chỉ số này giảm mạnh, xuống mức 12,5 điểm vào ngày cuối tháng (29/12), thấp nhất kể từ tháng 9/2017.

Tại khu vực Eurozone: ECB quyết định giữ nguyên lãi suất cơ bản đồng Euro, gia hạn gói nới lỏng định lượng khiến chỉ số Euro index biến động ngược chiều với USD index, giảm trong hai tuần đầu tháng, tăng trở lại ở hai tuần cuối tháng.

* Năm 2017: Chỉ số USD Index giảm liên tục trong 9 tháng đầu năm, đạt mức thấp nhất 91,33 điểm (3/9/2017); tăng trở lại trong 3 tháng cuối năm, với các mốc 94,86 điểm (1/11) và 93,3 điểm (10/12). Chỉ số Euro Index ít dao động (xoay quanh 85-86 điểm) từ tháng 01/2017 đến giữa tháng 4/2017; tăng mạnh từ tháng 5/2017 đến 9/2017, chạm mức 94,8 điểm vào 10/9; sau đó Euro index giảm nhẹ trong tháng 10, xuống mức 93,5 điểm và tăng trở lại vào tháng 11, tháng 12/2017, kết thúc năm ở mức 95,7 điểm.

Tại Mỹ, nền kinh tế phục hồi trong năm 2017 cho phép FED ba lần tăng lãi suất cơ bản vào các tháng 3/2017, 6/2017 và 12/2017. Thị trường lao động khởi sắc, tỷ lệ thất nghiệp liên tục đứng ở mức thấp (tháng 1: 4,8%, tháng 2: 4,7%, tháng 3: 4,5%, tháng 4: 4,4%, tháng 5: 4,3%, tháng 6: 4,4%, tháng 7: 4,3%, tháng 8: 4,4%; tháng 9 và 10: 4,2%, tháng 11: 4,1% (thấp nhất trong 16 năm). Bình quân mỗi tháng nền kinh tế tạo ra 180.000 việc làm mới; lạm phát mục tiêu 2017 là 2,0%, tuy nhiên lạm phát lõi (tháng 11) mới đạt 1,7%.

Tại khu vực Eurozone, theo Eurostat tăng trưởng kinh tế tiếp tục khởi sắc với tỷ lệ tăng GDP quý I/2017 là 2,0%, quý II là 2,1% (cao nhất kể từ 2011 đến nay), quý III là 2,3%; tỷ lệ thất nghiệp tháng 1: 9,6%, tháng 2: 9,5%, tháng 3: 9,4%, tháng 4: 9,2%, từ tháng 5 đến 11: 9,1%. Các nhà phân tích nhận định kinh

tế khu vực đang tăng trưởng với nhịp độ nhanh nhất trong 10 năm qua - kết quả tích cực của chính sách nới lỏng tiền tệ và lãi suất thấp kỷ lục mà ECB đang áp dụng. Dự báo năm 2017 GDP của 19 quốc gia khu vực này đạt 1,7%, lạm phát: 1,8% (mục tiêu 2,0%), năm 2018 GDP là 1,8%, lạm phát là 1,9%.

Tỷ giá Euro/USD ít giao động trong 4 tháng đầu năm 2017 (xoay quanh 1.060-1.080 USD/01 Euro); từ tháng 5 đến tháng 9/2017, đồng Euro tăng giá liên tục, đạt mốc cao nhất kể từ tháng 2/2015: 01 Euro đổi được 1.1985 USD (10/9); giảm nhẹ trong tháng 10/2017 và tăng trở lại vào tháng 11, 12/2017.

- Thị trường trong nước:

* *Tháng 12/2017:* Tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với Đôla Mỹ đầu tháng được niêm yết ở mức 22.438 đồng/USD. Đến cuối tháng, tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố áp dụng cho ngày 29/12/2017 là 22.425 đồng/USD, với mức giảm 13 đồng/USD so với mức niêm yết đầu tháng. Mặc dù trên thị trường thế giới, ghi nhận đồng USD liên tục tăng giảm không ngừng. Tuy nhiên, tỷ giá trung tâm biến động không nhiều. Tại các ngân hàng thương mại lớn, giá giao dịch USD có biến động quanh mức 22.750 đồng/USD cho thấy chính sách tỷ giá đang được điều hành đúng hướng. Tỷ giá Đôla Mỹ được niêm yết đầu tháng ở mức mua vào/ bán ra là 22.680-22.750 đồng/USD và cuối tháng ở mức mua vào/ bán ra là 22.665-22.735 đồng/USD, giảm so với tháng trước 15 đồng/USD.

Tỷ giá hạch toán giữa Đồng Việt Nam với Đôla Mỹ tháng 12/2017 được Bộ Tài chính công bố áp dụng cho các nghiệp vụ quy đổi và hạch toán thu, chi ngân sách Nhà nước bằng ngoại tệ; quy đổi và hạch toán sổ sách kế toán của Kho bạc Nhà nước là 1 USD = 22.451 đồng, giảm 14 đồng so với tháng trước.

* *Năm 2017:* Nhìn chung thị trường ngoại hối ổn định với nguồn cung ngoại tệ dồi dào, thanh khoản ngoại tệ của thị trường tốt, đáp ứng các cung cầu ngoại tệ. Theo thống kê từ Ngân hàng Nhà nước, dự trữ ngoại hối của Việt Nam ước tính có thể đạt mức khoảng 53 tỷ USD. Đây tiếp tục là mức cao nhất từ trước tới nay, sau khi quy mô dự trữ ngoại hối đã đạt được khoảng 41 tỷ USD vào cuối 2016. Cũng trong năm 2017, thị trường ghi nhận ba lần Ngân hàng Nhà nước nâng giá mua vào USD trong tháng 1, tháng 4 và tháng 6/2017; và vào ngày 10/10/2017, lần đầu tiên Ngân hàng Nhà nước quyết định giảm giá mua vào USD, đánh dấu sự khác biệt lớn của diễn biến tỷ giá năm nay so với những năm trước.

Thị trường ngoại hối và tỷ giá USD/VND khá ổn định trong năm 2017, đặc biệt là trước tác động từ các quyết định tăng lãi suất liên tiếp của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED). Tuy nhiên trong năm 2017, Ngân hàng Nhà nước đã kiểm soát, ổn định tỷ giá theo chỉ đạo của Chính phủ, tiếp tục chủ động theo dõi diễn biến thị trường trong nước và quốc tế, chủ động có biện pháp điều hành tỷ giá, đảm bảo thanh khoản ngoại tệ của nền kinh tế.

Chỉ số giá Đôla Mỹ các tháng (so với tháng trước) như sau: Tháng 1/2017 giảm 0,07%, tháng 2/2017 giảm 0,07%, tháng 3/2017 tăng 0,41%, tháng 4/2017

giảm 0,28%, tháng 5/2017 giảm 0,03%, tháng 6/2017 giảm 0,07%, tháng 7/2017 tăng 0,09%, tháng 8/2017 giảm 0,03%, tháng 9/2017 tăng 0,03%, tháng 10/2017 giảm 0,03%, tháng 11/2017 giảm 0,01%, tháng 12/2017 tăng 0,02%. Chỉ số giá Đôla Mỹ bình quân năm 2017 tăng 1,40% so với cùng kỳ năm 2016.

IV. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁ TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Trong tháng 11/2017, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã thực hiện công tác quản lý giá tại địa phương như sau:

1. Thực hiện chế độ báo cáo giá thị trường theo quy định; thực hiện chức năng tham mưu về công tác quản lý Nhà nước về giá tại địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ được giao: Bắc Kạn, Bắc Giang, Bến Tre, Bình Dương, Bình Định, Bình Thuận, Cà Mau, Cao Bằng, Đắk Nông, Điện Biên, Đồng Tháp, Gia Lai, Long An, Hà Nam, Hải Phòng, Hà Giang, Hậu Giang, TP. Hồ Chí Minh, Kiên Giang, Kon Tum, Lâm Đồng, Lai Châu, Lào Cai, Nghệ An, Nam Định, Ninh Bình, Ninh Thuận, Phú Yên, Phú Thọ, Quảng Trị, Quảng Bình, Sóc Trăng, Sơn La, Thừa Thiên Huế, Tây Ninh, Thái Bình, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Phúc, Vĩnh Long, Yên Bái.

- *Đăng ký giá, kê khai giá:* Bình Thuận (02 hồ sơ), Cao Bằng (03 hồ sơ), Điện Biên, Đồng Tháp (07 hồ sơ), Kiên Giang (09 hồ sơ), TP. Hồ Chí Minh (10 hồ sơ, trong đó: 02 hồ sơ kê khai giá và 08 thông báo giá), Hà Nam, Phú Thọ (07 hồ sơ), Quảng Bình, Nghệ An (05 hồ sơ), Lào Cai (9 hồ sơ), Ninh Bình (11 hồ sơ), Tuyên Quang (05 hồ sơ), Thái Nguyên, Thái Bình, Tiền Giang, Vĩnh Long (07 hồ sơ), Sóc Trăng (01 hồ sơ), Vĩnh Phúc, Yên Bái (01 hồ sơ).

- *Chương trình bình ổn giá:* TP. Hồ Chí Minh đã thực hiện chương trình bình ổn giá theo Kế hoạch ban hành kèm Quyết định 1579/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Ủy Ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính đã thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình giá thị trường để có điều chỉnh kịp thời và chính xác mức giá đăng ký của các doanh nghiệp tham gia chương trình bình ổn.

2. Trình UBND tỉnh ban hành văn bản quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh; xác định giá cho thuê đất, giá đất khi Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng; xác định giá bán nhà thuộc sở hữu nhà nước: Bình Thuận, Bắc Giang, Bắc Kạn, Bến Tre, Cà Mau, Đồng Tháp, TP. Hồ Chí Minh (phê duyệt giá thu tiền sử dụng đất khi giao đất kinh doanh phi nông nghiệp, của các khu đô thị mới tại các quận nội thành), Nghệ An, Ninh Bình (03 dự án khu đô thị mới chuyển từ đất nông nghiệp), Quảng Nam, Lâm Đồng, Lai Châu (02 khu đất cho thuê làm dự án).

3. Thẩm định giá mua sắm, sửa chữa tài sản vật dụng, trang thiết bị bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp: Bình Thuận (07 hồ sơ), Bến Tre (03 hồ sơ), Bắc Giang (02 hồ sơ), Đồng Tháp, Lạng Sơn (19 hồ sơ), Quảng Trị (04 hồ sơ), Thái Nguyên, Thái Bình.

4. Tham gia thẩm định giá tài sản, hàng hóa tịch thu theo quyết định của tòa án, đội quản lý thị trường; định giá tài sản thanh lý, bán đấu giá hàng thanh lý, hàng tịch thu: Bắc Giang, Bình Thuận (02 vụ việc), Bến Tre, Cao Bằng, Điện

Biên, TP. Hồ Chí Minh, Nghệ An, Ninh Thuận, Tuyên Quang, Phú Thọ, Bình Dương, Đồng Tháp (06 vụ việc), Lâm Đồng, Sơn La, Quảng Nam, Yên Bái.

- *Tham gia hội đồng định giá tài sản phục vụ công tác xét xử của toà án và thi hành án, xử phạt hành chính:* Bình Dương, Bắc Giang (04 vụ), Bến Tre, TP. Hồ Chí Minh (02 vụ), Lạng Sơn, Ninh Thuận, Tây Ninh, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Yên Bái (03 vụ).

5. *Thông báo giá vật liệu đến chân công trình:* Bắc Giang, Cà Mau, Đồng Tháp, Gia Lai, Sơn La, Tuyên Quang, Thái Nguyên, TP. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Tuyên Quang, Vĩnh Long.

6. *Quyết định giá và thẩm định giá đền bù giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất:* Bình Dương, Bắc Giang, Bình Thuận, Bến Tre, Đồng Tháp, Hà Nam, Nghệ An, Lạng Sơn, Lai Châu, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên, Tây Ninh, Tuyên Quang, Vĩnh Long.

7. *Công tác thanh tra, kiểm tra:* Cao Bằng, Quảng Bình, Tây Ninh, Tuyên Quang, Tiền Giang, Yên Bái; Vĩnh Phúc, TP. Hồ Chí Minh (đoàn kiểm tra của Sở Tài chính và đoàn kiểm tra liên ngành đã phối hợp kiểm tra tại 221 điểm kiểm tra trong đó có 24 điểm bán hàng bình ổn giá, 29 điểm trông giữ xe, 11 điểm kinh doanh gas, 36 tiệm thuốc tây, 10 chợ truyền thống và 111 điểm khác. Xử phạt 7 trường hợp vi phạm với tổng số tiền xử phạt là 30.300.000 đồng).

Trên đây là báo cáo tình hình giá cả thị trường tháng 12 và cả năm 2017, dự báo năm 2018./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (b/c);
- Văn phòng Tổng Bí thư, Văn phòng Thường trực Ban Bí thư (b/c);
- Ban Kinh tế Trung ương;
- UB Kinh tế Quốc hội;
- Văn phòng CP (Vụ KTTH);
- Các Bộ: NN&PTNT, Công Thương (Vụ CSTTTN, Cục QLTT), KH&ĐT, XD, Công An (Cục Bảo vệ ANKT, Tổng Cục An Ninh), GD&ĐT (Bộ trưởng);
- Bộ Tài chính: Vụ CST, Vụ NSNN, Thanh tra Bộ, HVTC, Tổng cục Thuế, Viện CL&CSTC, Đại diện CQ Bộ tại TP. HCM;
- Sở TC các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Hội Thẩm định giá Việt Nam;
- Lãnh đạo Cục QLG;
- Các đơn vị thuộc Cục QLG;
- Lưu: VT, THPTDB (102b).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Đặng Công Khôi